

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

kèm theo

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 ngõ 1295, đường Giải Phóng, Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 974 5081/82 Fax: (04) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 8 năm 2016



Mục lục

Nội dung	Trang số
Báo cáo Hội đồng quản trị và Ban giám đốc	2-3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét <i>Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2016</i>	6 - 7
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016</i>	8
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu năm tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016</i>	9
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016</i>	10 - 40

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI Báo cáo của Ban Giám đốc

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng *Cho kỳ hoạt động*

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895 *từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016*

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

Khái quát chung về Công ty cổ phần vận tải đa phương thức Duyên Hải

Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200793081, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/03/2008 và đăng kí thay đổi lần thứ 12 ngày 25/08/2015.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 47/2009/GCNCP - VSD do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 01/09/2009, thay đổi lần thứ 5 ngày 05/08/2015. Tổng số lượng chứng khoán niêm yết là 18.711.000 cổ phiếu tương ứng với giá trị chứng khoán niêm yết là 187.110.000.000đồng.

Công ty có trụ sở tại: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

1 Ông Lê Thái Cường	Chủ tịch HĐQT
2 Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Ủy viên
3 Ông Hoàng Anh Dũng	Ủy viên
4 Bà Vũ Thị Phú	Ủy viên
5 Bà Đào Kim Phương	Ủy viên
6 Bà Nguyễn Thị Hồng Mai	Ủy viên
7 Ông Đặng Tiếp	Ủy viên

Ban Giám đốc:

1 Ông Lê Quang Huy	Tổng Giám đốc
2 Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc
3 Bà Nguyễn Thu Thủy	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát:

1 Ông Trần Xuân Trường	Trưởng ban
2 Bà Trần Thị Kim Hồng	Thành viên
3 Bà Văn Thị Thanh Bình	Thành viên

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đại diện cho

Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Thái Cường

Hải Phòng, ngày 18 tháng 07 năm 2016



Số: 138 /2016/CPA HANOI - BCKT

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

của Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải

Kính gửi:

CÁC CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016 của Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải được lập ngày 18/07/2016 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 được trình bày từ trang 06 đến trang 40 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét, được lập thành 09 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải giữ 08 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Ông Giám đốc

Nguyễn Ngọc Tĩnh

Giấy CNDKHKTKT số: 0132-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		117.377.611.762	121.746.982.543
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	70.587.314.959	70.622.936.517
1.Tiền	111		17.087.314.959	7.622.936.517
2.Các khoản tương đương tiền	112		53.500.000.000	63.000.000.000
II.Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.472.741.229	40.434.471.699
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	23.708.445.092	24.783.059.351
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.304.766.500	4.101.312.000
3.Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.3.1	7.459.529.637	12.147.335.439
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.2	-	(597.235.091)
IV.Hàng tồn kho	140	V.4	7.108.296.673	10.107.144.923
1.Hàng tồn kho	141		8.608.296.673	11.607.144.923
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		2.209.258.901	582.429.404
1.Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.1	1.292.543.334	524.370.089
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		916.715.567	46.446.040
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11b	-	11.613.275
B.TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	200		131.353.074.599	140.976.805.286
I.Các khoản phải thu dài hạn	210		4.827.450.890	2.472.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		2.472.000.000	2.472.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.3.2	2.355.450.890	-
II.Tài sản cố định	220		103.455.756.226	111.971.965.595
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	95.642.068.205	103.943.666.112
- Nguyên giá	222		170.777.242.486	175.690.361.426
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(75.135.174.281)	(71.746.695.314)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	7.813.688.021	8.028.299.483
- Nguyên giá	228		12.418.804.956	12.418.804.956
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4.605.116.935)	(4.390.505.473)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		42.907.150	661.196.059
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	42.907.150	661.196.059
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		23.026.960.333	25.871.643.632
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.2	2.591.928.204	2.589.450.141
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15a	49.195.732	48.356.699
3. Lợi thế thương mại	269	V.8.3	20.385.836.397	23.233.836.792
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		248.730.686.361	262.723.787.829

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		29.478.891.798	36.488.429.683
I. Nợ ngắn hạn	310		20.346.392.179	26.284.054.768
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	7.953.841.395	5.676.663.073
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		674.050.807	396.170.397
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11a	5.954.923.277	2.924.283.139
4. Phải trả người lao động	314		1.309.221.665	1.480.944.790
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	62.016.000	32.357.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14.1	4.600.000	1.731.779.577
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13.1	3.011.897.697	13.740.244.767
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.9	-	6.272.727
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.375.841.338	295.339.298
II. Nợ dài hạn	330		9.132.499.619	10.204.374.915
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.14.2	1.362.384.712	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.13.1	7.479.948.910	9.734.699.589
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.15b	290.165.997	469.675.326
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		219.251.794.563	226.235.358.146
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	219.251.794.563	226.235.358.146
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		187.110.000.000	187.110.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		184.608.660.000	184.608.660.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.287.359.500	9.287.359.500
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(2.526.129.900)	(2.526.129.900)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.341.233.793	4.395.865.839
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.498.833.665	27.039.816.488
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		3.188.228.157	(72.289.464)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.310.605.508	27.112.105.952
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		540.497.505	928.446.219
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		248.730.686.361	262.723.787.829

Hải Phòng, ngày 18 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Ngọc Lan

Nguyễn Thu Thủy

Lê Thái Cường

Hoàng Thị Ngọc Lan

Nguyễn Thu Thủy

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01-01-2016 đến 30-06-2016	Từ 01-01-2015 đến 30-06-2015
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	75.854.573.044	83.317.411.073
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		75.854.573.044	83.317.411.073
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	57.047.732.069	61.912.445.633
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.806.840.975	21.404.965.440
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.498.503.707	266.720.713
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	72.451.870	676.094.071
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		41.016.502	671.190.730
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	9.782.580.316	7.749.172.909
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.450.312.496	13.246.419.173
11. Thu nhập khác	31	VI.6	23.513.149.567	7.067.714.844
12. Chi phí khác	32	VI.7	13.168.840.888	4.647.939.847
13. Lợi nhuận khác	40		10.344.308.679	2.419.774.997
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.794.621.175	15.666.194.170
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	4.355.321.300	3.102.950.566
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		39.985.110	(69.745.995)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		16.399.314.765	12.632.989.599
17.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		16.310.605.508	12.584.123.383
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		88.709.257	48.866.216
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	888	908

Người lập biểu



Hoàng Thị Ngọc Lan

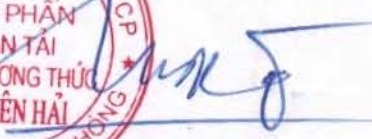
Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 18 tháng 07 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Thái Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày	Từ ngày
			01/01/2016 đến 30/06/2016	01/01/2015 đến 30/06/2015
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		81.800.138.425	93.984.805.525
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(45.673.491.788)	(53.811.076.697)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.104.606.309)	(9.087.321.636)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(41.016.502)	(538.508.673)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3.458.985.964)	(3.124.859.227)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		77.668.616.210	67.041.282.793
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(83.176.696.740)	(75.015.066.927)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.013.957.332	19.449.255.158
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.875.576.364)	(11.135.527.763)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		14.270.636.500	9.117.772.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.472.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1.857.823.885
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2.255.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.733.119.525	258.898.439
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.128.179.661	(4.628.032.712)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	(30.000.000)
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		-	(1.340.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII.1	21.223.067.228	68.319.287.358
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.2	(21.229.339.955)	(68.765.542.310)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.171.468.847)	(609.340.029)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(22.177.741.574)	(1.086.934.981)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(35.604.581)	13.734.287.465
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		70.622.936.517	16.373.791.457
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		(16.977)	(489.270)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		70.587.314.959	30.107.589.652

Người lập biểu



Hoàng Thị Ngọc Lan

Hải Phòng, ngày 18 tháng 07 năm 2016

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Chủ tịch Hội đồng quản trị




Lê Thái Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200793081, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/03/2008 và đăng kí thay đổi lần thứ 12 ngày 25/08/2015.

Công ty có trụ sở tại: số 189 Đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Vốn điều lệ của Công ty trên đăng ký kinh doanh là: 187.110.000.000 đồng

(Bằng chữ: Một trăm tám mươi bảy tỷ một trăm mười triệu đồng).

2 Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại và dịch vụ

3 Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ. Chi tiết : vận tải hàng hoá bằng ô tô, xe container.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết : Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung); Dịch vụ logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển.
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết : Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm và chế phẩm vệ sinh.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng).
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc.
- Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương.
- Vận tải hàng hoá đường sắt.
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hoá; Cho thuê container.
- Cho thuê xe có động cơ.

4 Danh sách Công ty con quan trọng được hợp nhất

Số các công ty con được hợp nhất: 06

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI **Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng Cho kỳ hoạt động
 Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895 từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Số các công ty con không được hợp nhất: 0

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích tại ngày 30/06/2016	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày 30/06/2016
1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Địa chỉ: km104+200, đường Nguyễn Bình Khiêm, P Đông Hải 2, Q Hải An, TP Hải Phòng	99,68%	99,68%
2 Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng	99,35%	99,35%
3 Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	Địa chỉ: Phòng 212 nhà N3, Lê Văn Lương, Trung Hoà - Nhân Chính, P Nhân Chính, Q Thanh Xuân, TP Hà Nội.	100,00%	100,00%
4 Công ty TNHH Container Minh Thành	Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng	99,90%	99,90%
5 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng	99,00%	99,00%
6 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Địa chỉ: Lô số 2, khu công nghiệp Thụy Vân, xã Thụy Vân, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	100,00%	100,00%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Kỳ kế toán năm : bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.
 Đây là Báo cáo tài chính giữa niên độ nên kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016.
- Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính là: Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo

- Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Chúng tôi, Công ty cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

1 Các loại tỷ giá hối đoái sử dụng trong kế toán:**a Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế:**

- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI **Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng Cho kỳ hoạt động
Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895 từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

+ Tỷ giá giao dịch khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại.

+ Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

b Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ: Tỷ giá ghi sổ gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.

- Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.

- Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản tiền chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.

c Nguyên tắc áp dụng tỷ giá trong kế toán:

- Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với:

+ Các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác. Riêng trường hợp bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ hoặc thu nhập có liên quan đến doanh thu nhận trước hoặc giao dịch nhận trước của người mua thì doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua.

+ Các tài khoản phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác. Riêng trường hợp phân bổ khoản chi phí nhận trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thì chi phí được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI **Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng Cho kỳ hoạt động
Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895 từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

- + Các tài khoản phản ánh tài sản. Riêng trường hợp tài sản được mua có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán.
- + Tài khoản loại vốn chủ sở hữu.
- + Bên Nợ các tài khoản phải thu; Bên Nợ các tài khoản vốn bằng tiền; Bên Nợ các tài khoản phải trả khi phát sinh giao dịch trả tiền trước cho người bán.
- + Bên Có các tài khoản phải trả; Bên Có các tài khoản phải thu khi phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua.
- Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các loại tài khoản sau:
 - + Bên Có các tài khoản phải thu (ngoại trừ trường hợp giao dịch nhận trước tiền của người mua); Bên Nợ tài khoản phải thu khi tất toán khoản tiền nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hoá, TSSCD, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu; Bên Có các tài khoản ký cược, ký quỹ, chi phí trả trước.
 - + Bên Nợ các tài khoản phải trả (ngoại trừ giao dịch trả trước tiền cho người bán); Bên Có tài khoản phải trả khi tất toán khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hoá, TSSCD, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.
- + Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch đối với các đối tượng đó.
- Khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ, tỷ giá bình quân gia quyền di động được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở Bên Có các tài khoản tiền.

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

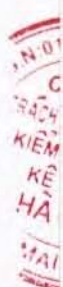
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư khác có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư hoặc ngày mua trái phiếu.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho không bao gồm giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp....

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Tăng giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn.

6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 -50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận tải	6- 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	3 - 5 năm
Tài sản cố định vô hình	3 - 50 năm

7 Nguyên tắc kế toán các hợp đồng, hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia có thể thoả thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng cho hoạt động hợp tác kinh doanh, bên nhận phải kế toán là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh theo hình thức tài sản đồng kiểm soát mỗi bên tham gia được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các khoản chi phí phát sinh riêng cho hoạt động này bên nào bỏ ra bên đó gánh chịu. Đối với các khoản chi phí chung (nếu có) thì căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng để phân chia cho các bên góp vốn.

8 Nguyên tắc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế ngoại trừ:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi các công ty trong Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự tính thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

9 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí trả trước

- Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.
- Các loại chi phí trả trước dài hạn bao gồm
 - Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định.
 - Chi phí mua bảo hiểm và các loại lệ phí mà doanh nghiệp mua và trả một lần cho nhiều kỳ kế toán.
 - Công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển đồ dùng cho thuê liên quan đến hoạt động nhiều kỳ kế toán.
 - Chi phí trả trước về lãi tiền vay hoặc lãi trái phiếu ngay khi phát hành.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn, doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ và phân bổ tối đa không quá 3 năm
- Số chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại là thuê hoạt động.
- Trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn tới quan hệ công ty mẹ - công ty con có phát sinh lợi thế thương mại hoặc khi cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước có phát sinh lợi thế kinh doanh.
- Các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

10 Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, và các khoản phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI **Huyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: số 189 đường di Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895 từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là phải trả ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

11 Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá.

Đối với các khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

12 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

13 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hoá đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Ngoài ra chi phí phải trả còn phản ánh các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước như:

Chi phí trong thời gian doanh nghiệp ngừng sản xuất theo mùa vụ.

Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau, lãi trái phiếu trả sau.

Trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng hoá, thành phẩm bất động sản đã bán.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

14 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Các khoản dự phòng phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại nhưng thường chưa xác định được thời gian thanh toán cụ thể. Các khoản này được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra.
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả này thường được ước tính và có thể chưa xác định được chắc chắn số sẽ phải trả. Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hoá, hàng hoá dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả. Các trích trước được phản ánh vào dự phòng phải trả được ,như:

Chi phí sửa chữa lớn của những tài sản đặc thù do việc sửa chữa lớn có tính chu kỳ, doanh nghiệp được phép trích trước chi phí sửa chữa lớn cho năm kế hoạch hoặc một số năm tiếp theo.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây dựng, tái cơ cấu;

Các khoản dự phòng phải trả khác.

15 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện:

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống... Không hạch toán vào doanh thu chưa thực hiện các khoản :

- Tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ;

01
C
RÁCH
KIỂM
KẾ
HÀ
TRAI

- Doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ;

16 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu bao gồm:

+ Vốn góp ban đầu, góp bổ sung của các chủ sở hữu.

+ Các khoản được bổ sung từ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh.

- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

17 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng, được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng khi mua hàng hoá dịch vụ...

Cổ tức lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.

Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

Lãi tỷ giá hối đoái và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

18 Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu được điều chỉnh giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì được coi là sự kiện cần được điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước sau điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

19 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ. Ngoài ra nó phản ánh đến các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn trong kỳ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua nếu khi xuất bán hàng hoá mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì ghi giảm giá vốn hàng bán.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ được ghi giảm giá vốn hàng bán.

20 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được ghi giảm chi phí tài chính tài chính.

21 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng của doanh nghiệp là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản hoàn nhập dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hoá (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) thì ghi giảm chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương và trích theo lương của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Hoàn nhập số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

22 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm.

Hoàn lại tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

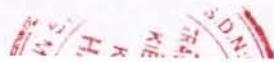
Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI **Thuyết minh Báo cáo tài chính**Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng Cho kỳ hoạt động
Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895 từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: VND)**

1. Tiền	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Tiền mặt	3.379.145.422	653.849.722
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	157.730.786	63.622.991
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	245.252.665	180.162.918
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	123.021.220	35.486.167
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	1.272.532.612	183.078.232
Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	317.325.541	14.727.119
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	30.389.041	6.086.499
Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	-	148.248.455
Công ty TNHH Container Minh Thành	1.232.893.557	22.437.341
- Tiền gửi Ngân hàng	13.708.169.537	6.969.086.795
Tiền gửi VND	13.697.057.876	6.951.422.237
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	6.563.117.854	1.988.169.433
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	814.668.184	965.533.157
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	1.756.986.393	1.165.006.474
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	1.173.813.670	799.153.468
Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	2.943.948.257	1.791.766.027
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	78.086.272	9.907.456
Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	-	8.370.161
Công ty TNHH Container Minh Thành	366.437.246	223.516.061
Tiền gửi ngoại tệ	11.111.661	17.664.558
Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	11.111.661	17.664.558
- Các khoản tương đương tiền	53.500.000.000	63.000.000.000
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	53.500.000.000	63.000.000.000
Cộng	70.587.314.959	70.622.936.517

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

2. Phải thu khách hàng	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khách hàng ngắn hạn	23.708.445.092	-	24.783.059.351	(556.120.231)
a Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	1.329.243.765		1.708.638.201	
b Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	934.260.482		782.641.356	
c Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	17.297.526.703		15.640.507.368	
d Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	2.164.071.741		4.089.872.792	(387.235.091)
e Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	1.584.898.337		1.542.489.081	
f Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	204.305.676		247.117.676	
g Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	-	-	168.885.140	(168.885.140)
h Công ty TNHH Container Minh Thành	194.138.388		602.907.737	
3. Phải thu khác	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
3.1 Phải thu khác ngắn hạn	7.459.529.637	-	12.147.335.439	(41.114.860)
a Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	4.500.000		967.814.775	
b Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	543.039.227		533.794.902	
c Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	3.609.248.999		5.339.993.479	
d Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	2.971.170.039		2.540.423.190	
e Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	152.986.800		2.483.020.474	
f Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	4.634.572		43.695.843	
g Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	-		65.442.776	(41.114.860)
h Công ty TNHH Container Minh Thành	173.950.000		173.150.000	
3.2 Phải thu khác dài hạn	2.355.450.890		-	
a Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	64.507.572	-		-
b Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	2.255.000.000	-		-

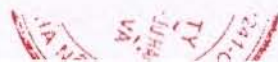


c	Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	35.943.318	-	-	
4.	Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a	Nguyên liệu vật liệu	45.004.538	-	886.961.938	-
	Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	-		824.339.016	
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	45.004.538		62.622.922	
b	Chi phí sản xuất KD dở dang	333.104.966	-	375.838.967	-
	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	333.104.966		375.838.967	
c	Hàng hoá	8.230.187.169	(1.500.000.000)	10.344.344.018	(1.500.000.000)
	Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	2.296.257.484	(1.500.000.000)	2.296.257.484	(1.500.000.000)
	Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	4.917.490.000		6.476.990.000	
	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	1.016.439.685		1.571.096.534	
Cộng giá gốc hàng tồn kho		8.608.296.673	(1.500.000.000)	11.607.144.923	(1.500.000.000)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu kỳ	110.882.388.767	15.211.782.646	48.511.073.859	1.085.116.154	175.690.361.426
- Mua trong kỳ		845.988.909			845.988.909
- XD/CB hoàn thành	10.738.386.364				10.738.386.364
- Tăng khác	33.140.000				33.140.000
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán	14.578.799.362		1.649.707.477		16.228.506.839
- Giảm khác	57.463.600		363.913.639	255.180.441	676.557.680
Số dư cuối kỳ	107.017.652.169	16.057.771.555	46.871.883.049	829.935.713	170.777.242.486
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	38.774.948.863	9.711.154.150	22.351.411.928	909.180.373	71.746.695.314
- Khấu hao trong kỳ	3.632.173.352	1.076.418.481	3.671.205.441	45.801.998	8.425.599.272
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán	3.230.779.491	-	1.473.479.348	-	4.704.258.839
- Giảm khác	57.463.600	-	117.934.976	255.180.441	430.579.017
Số dư cuối kỳ	39.118.879.128	10.787.572.631	24.528.920.597	699.801.925	75.135.174.281
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu kỳ	72.107.439.904	5.500.628.496	26.159.661.931	175.935.781	103.943.666.112
- Tại ngày cuối kỳ	67.898.773.041	5.270.198.924	22.342.962.452	130.133.788	95.642.068.205

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI **Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: số 189 đường di Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895 từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	TSCĐ VH khác	Cộng
Nguyên giá			
1. Số dư đầu kỳ	12.348.804.956	70.000.000	12.418.804.956
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	12.348.804.956	70.000.000	12.418.804.956
Giá trị hao mòn lũy kế			-
1. Số dư đầu kỳ	4.320.505.473	70.000.000	4.390.505.473
2. Số tăng trong kỳ	214.611.462	-	214.611.462
- Khấu hao trong kỳ	214.611.462		214.611.462
- Tặng khác			-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán			-
- Giảm khác			-
4. Số dư cuối kỳ	4.535.116.935	70.000.000	4.605.116.935
Giá trị còn lại			-
1. Tại ngày đầu kỳ	8.028.299.483	-	8.028.299.483
2. Tại ngày cuối kỳ	7.813.688.021	-	7.813.688.021

7. Chi phí XDCB dở dang:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty TNHH Container Minh Thành	42.907.150	42.907.150
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	-	618.288.909
Cộng	42.907.150	661.196.059

8. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn	1.292.543.334	524.370.089
Chi phí sửa chữa TSCĐ	126.165.048	193.767.317
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	87.567.368	117.905.439
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.078.810.918	212.697.333
8.2 Chi phí trả trước dài hạn	2.591.928.204	2.589.450.141
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.579.752.517	1.380.907.753
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	664.620.634	617.901.767

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI **Thuyết minh Báo cáo tài chính**Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng Cho kỳ hoạt động
Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895 từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Đo đạc bản đồ, lập quy hoạch bãi	-	437.554.280
Chi phí trả trước dài hạn khác	347.555.053	153.086.341
8.3 Lợi thế thương mại	20.385.836.397	23.233.836.792
Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	3.238.919.371	3.886.703.245
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	6.227.424.598	7.472.909.518
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	943.274.835	1.131.929.802
Công ty TNHH Container Minh Thành	9.976.217.593	10.742.294.227

9. Vay và nợ thuê tài chính

Nội dung	Cuối kỳ	Trong kỳ		Đầu kỳ
		Tăng	Giảm	
Công ty TNHH VT Duyên hải Phú Thọ	-	21.223.067.228	21.229.339.955	6.272.727

10. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải trả người bán ngắn hạn	7.953.841.395	5.676.663.073
a Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	123.410.000	35.550.122
b Công ty TNHH Container Minh Thành	4.950.000	4.950.000
c Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	157.876.707	51.830.192
d Cty TNHH SX & TM Duyên hải	1.681.587.162	1.103.204.385
e Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	390.637.716	605.658.941
f Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	5.573.266.983	3.875.469.433
g Công ty TNHH Container Minh Thành	22.112.827	-

*Tất cả các khoản phải trả trên đều là nợ trong hạn và Công ty có khả năng thanh toán***11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước - phụ lục 1**

12. Chi phí phải trả:	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Tiền hoa hồng nâng hạ phải trả	62.016.000	32.357.000
Cộng	62.016.000	32.357.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI **Thuyết minh Báo cáo tài chính**Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng Cho kỳ hoạt động
Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895 từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

13. Các khoản phải trả khác	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
13.1 Ngắn hạn	3.011.897.697	13.740.244.767
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	<i>118.421.149</i>	<i>-</i>
Công ty CP Vận tải Đa Phương thức Duyên Hải	9.646.000	-
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	17.104.191	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	20.405.700	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	42.944.200	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	28.321.058	-
<i>Bảo hiểm Y Tế</i>	<i>19.334.325</i>	<i>-</i>
Công ty CP Vận tải Đa Phương thức Duyên Hải	1.669.500	-
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	2.733.525	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	3.400.950	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	7.432.650	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	4.097.700	-
<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	<i>7.930.150</i>	<i>-</i>
Công ty CP Vận tải Đa Phương thức Duyên Hải	742.000	-
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	929.900	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	1.133.650	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	3.303.400	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	1.821.200	-
<i>Cổ tức lợi nhuận phải trả</i>	<i>604.792.450</i>	<i>532.433.850</i>
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	604.792.450	532.433.850
<i>Phải trả , phải nộp khác</i>	<i>2.261.419.623</i>	<i>13.207.810.917</i>
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	929.667.298	1.512.076.184
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	347.390.000	335.290.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	20.427.772	22.980.787
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	963.934.553	11.336.380.310
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	-	1.083.636

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI **Thuyết minh Báo cáo tài chính**Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng
Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

13.2 Dài hạn	7.479.948.910	9.734.699.589
Phải trả ký quỹ, ký cược dài hạn	7.479.948.910	9.734.699.589
Công ty CP Vận tải Đa Phương thức Duyên Hải	26.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	6.527.513.742	7.928.212.564
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	3.250.000	-
Công ty TNHH Container Minh Thành	923.185.168	1.806.487.025
14. Doanh thu chưa thực hiện	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
14.1 Ngắn hạn	4.600.000	1.731.779.577
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	-	491.773.811
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải		1.224.705.766
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	4.600.000	15.300.000
14.2 Dài hạn	1.362.384.712	-
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	1.362.384.712	
Céng	1.366.984.712	1.731.779.577
15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	49.195.732	48.356.699
Cộng tài sản thuế thu nhập DN hoãn lại	49.195.732	48.356.699
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	290.165.997	469.675.326
Cộng thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	290.165.997	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: số 189 đường di Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng
Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

16. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu

A- Bảng đối chiếu biến động nguồn vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	140.300.000.000	11.389.859.500	(2.524.789.900)	1.131.623.501	3.390.355.276	30.852.782.889	184.539.831.266
- Tăng vốn trong năm trước	46.810.000.000		(1.340.000)				46.808.660.000
- Lãi trong năm trước						27.112.105.952	27.112.105.952
- Tăng khác		4.954.500.000			1.005.510.563	3.951.844	5.963.962.407
- Giảm vốn năm trước		6.890.000.000					6.890.000.000
- Giảm khác năm trước		167.000.000		203.177.282		30.929.024.197	31.299.201.479
2. Số dư cuối năm trước	187.110.000.000	9.287.359.500	(2.526.129.900)	928.446.219	4.395.865.839	27.039.816.488	226.235.358.146
3. Số dư đầu kỳ này	187.110.000.000	9.287.359.500	(2.526.129.900)	928.446.219	4.395.865.839	27.039.816.488	226.235.358.146
- Tăng vốn trong kỳ							-
- Lãi trong kỳ (Lợi nhuận sau thuế của CTy Mẹ)						16.310.605.508	16.310.605.508
- Tăng khác					952.756.321		952.756.321
- Giảm vốn trong kỳ					7.388.367		7.388.367
- Giảm khác trong kỳ				387.948.714		23.851.588.331	24.239.537.045
4. Số dư cuối kỳ	187.110.000.000	9.287.359.500	(2.526.129.900)	540.497.505	5.341.233.793	19.498.833.665	219.251.794.563

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI: Thuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vốn góp của các cổ đông	184.608.660.000	184.608.660.000
Cổ phiếu quỹ	2.501.340.000	2.501.340.000
Cộng	187.110.000.000	187.110.000.000

C. Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng

Theo giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 14/GCN- UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 07/04/2015

Số lượng chứng khoán chào bán :	3.303.000	cổ phiếu
Giá trị cổ phiếu theo giá chào bán (11.500 đồng/CP)	37.984.500.000	đồng
Chi phí phát hành cổ phiếu	142.000.000	đồng
Tổng số lượng vốn huy động từ đợt chào bán	37.842.500.000	đồng
Ngày hoàn thành đợt chào bán	24/07/2015	

Tổng số tiền huy động từ đợt chào bán Công ty đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng NH BIDV- CN Đông Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 02/HĐTĐ ngày 02/06/2016 số tiền: 6.000.000.000 đồng
- Hợp đồng số 09/HĐTĐ ngày 09/06/2016 số tiền: 30.000.000.000 đồng
- Hợp đồng số 16/HĐTĐ ngày 16/06/2016 số tiền: 7.500.000.000 đồng
- Hợp đồng số 11/HĐTĐ ngày 22/06/2016 số tiền: 10.000.000.000 đồng

D. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Kỳ này	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	187.110.000.000	140.300.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	46.810.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	187.110.000.000	187.110.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong đó	22.243.827.448	20.369.015.830
Cổ đông của công ty mẹ	22.153.039.200	20.306.952.600
Cổ đông không kiểm soát	90.788.248	62.063.230

D. Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.711.000	18.711.000
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	18.460.866	18.460.866
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.460.866	18.460.866
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	250.134	250.134
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	250.134	250.134
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI : Thuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.460.866	18.460.866
+ Cổ phiếu phổ thông	18.460.866	18.460.866
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/ 1 Cổ phiếu	

E. Cổ tức	Kỳ này	Năm trước
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	Ch-a c«ng bè	12%
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:		

F Các quỹ doanh nghiệp	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Quỹ đầu tư phát triển	5.341.233.793	4.395.865.839

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (ĐVT: VND)

1. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Doanh thu vận tải	38.993.845.769	46.046.940.902
Doanh thu khai thác CFS	8.432.351.607	8.222.206.997
Doanh thu bãi	15.190.671.038	13.697.100.193
Doanh thu Shipline	720.933.561	642.199.910
Doanh thu thương mại, dịch vụ	12.516.771.069	14.708.963.071
Cộng	75.854.573.044	83.317.411.073
2. Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Giá vốn vận tải	31.008.212.689	36.199.460.981
Giá vốn kho CFS	6.138.044.257	6.157.644.424
Giá vốn bãi	10.029.458.194	7.736.423.477
Giá vốn xuất tàu Shipline	641.079.994	528.388.292
Giá vốn thương mại, dịch vụ	9.230.936.935	11.290.528.459
Cộng	57.047.732.069	61.912.445.633
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.006.922	6.600.051
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.497.496.785	260.120.662
Cộng	1.498.503.707	266.720.713
4. Chi phí hoạt động tài chính	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Lãi tiền vay	41.016.502	671.190.730

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI: Thuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: số 189 đường di Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

	Lỗi chênh lệch tỷ giá	2.102.859	4.903.341
	Chi phí tài chính khác	29.332.509	-
	Cộng	72.451.870	676.094.071
5.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	Chi phí nhân viên quản lý	2.154.338.661	2.190.890.462
	Chi phí khấu hao TSCĐ	448.577.745	446.664.162
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.906.199.850	1.665.811.697
	Chi phí bằng tiền khác	425.463.665	597.806.193
	Lợi thế thương mại	2.848.000.395	2.848.000.395
	Cộng	9.782.580.316	7.749.172.909
6.	Thu nhập khác	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	23.501.386.500	6.920.464.206
	Phạt hợp đồng	11.763.067	147.250.638
	Cộng	23.513.149.567	7.067.714.844
7.	Chi phí khác	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	13.168.840.888	4.647.939.847
	Cộng	13.168.840.888	4.647.939.847
8.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.355.321.300	3.102.950.566
	Cộng	4.355.321.300	3.102.950.566
9.	Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	Chi phí nguyên vật liệu	4.913.932.753	3.300.888.345
	Chi phí Nhân công	8.504.730.536	8.668.950.688
	Chi phí khấu hao TSCĐ	8.640.210.734	7.901.380.006
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.783.169.402	45.712.422.740
	Phân bổ lợi thế thương mại	2.848.000.395	2.848.000.395
	Chi phí khác bằng tiền, LTTM	1.140.268.565	1.229.976.368
	Cộng	66.830.312.385	69.661.618.542
10.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.399.314.765	12.632.989.599

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI: Thuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: số 189 đường di Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng Cho kỳ hoạt động
 Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895 từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Số cổ phiếu lưu hành đầu kỳ	18.460.866	13.780.000
Số cổ phiếu phát hành thêm	-	1.377.866
Số cổ phiếu lưu hành bình quân	18.460.866	13.915.899
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	888	908

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (VND)

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

Trong năm không có khoản tiền nào do doanh nghiệp nắm giữ mà không được sử dụng.

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
		VND
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	21.223.067.228	68.319.287.358
2. Tiền chi trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường và hợp đồng vay	21.229.339.955	68.765.542.310

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm: vốn điều lệ cộng với thặng dư vốn cổ phần trừ đi cổ phiếu quỹ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
- Tiền và các khoản tương đương tiền	70.587.314.959	70.587.314.959
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	37.472.741.229	37.472.741.229

Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công nợ Tài chính tại 30/06/2016	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-
Phải trả người bán	7.953.841.395	-	7.953.841.395
Các khoản phải trả khác	3.011.897.697	7.479.948.910	10.491.846.607
Chi phí phải trả	62.016.000	-	62.016.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

2. Thông tin về các bên liên quan khác

2.1 Tên tổ chức/ cá nhân có liên quan

Mối quan hệ

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	Công ty con
Công ty TNHH SX & TM Duyên Hải	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	Công ty con
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con
Công ty Cổ phần hàng hải MACS	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Thành Lê	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Cổ đông lớn

2.2. Doanh thu bán hàng và CCDV

**Từ 01/01/2016 đến
30/06/2016**

**Từ 01/01/2015 đến
30/06/2015**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	33.815.101	20.820.772
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	61.782.674	44.270.502
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	165.759.088	413.269.462
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải	616.375.322	614.900.558
Công ty TNHH MTV Vận Tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	1.340.667	1.809.418
Công ty TNHH Container Minh Thành	2.657.796	792.992.314
Céng	881.730.648	1.888.063.026

2.3 Cổ tức lợi nhuận được chia

**Từ 01/01/2016 đến
30/06/2016**

**Từ 01/01/2015 đến
30/06/2015**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	1.865.996.722	2.034.896.350
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	5.819.299.692	5.956.204.774

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI: Thuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	1.021.881.780	1.986.347.902
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải	7.579.059.638	2.931.806.201
Công ty TNHH Container Minh Thành	305.240.434	125.224.531
Cộng	16.591.478.266	13.034.479.758

2.4. Mua hàng hóa dịch vụ**Từ 01/01/2016 đến
30/06/2016****Từ 01/01/2015 đến
30/06/2015**

Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải	2.938.710.217	2.604.188.948
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	1.838.109.934	2.614.985.787
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	167.390.000	266.525.000
Cộng	4.944.210.151	5.485.699.735

2.5 Các khoản phải thu**Tại ngày 30/06/2016****Tại ngày 01/01/2016****a Phải thu cho vay**

Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	18.300.282.000	26.182.000.000
Công ty TNHH Container Minh Thành	23.550.000.000	15.550.000.000
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	-	750.000.000

b Phải thu khách hàng

Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	-	61.600.000
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải	110.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	742.268	9.953.770

c Phải thu khác**Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia**

Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	1.923.643.490	3.344.990.500
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	-	1.450.274.300
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	3.751.351.385	2.415.772.761
Công ty TNHH Container Minh Thành	204.484.865	252.642.112
Công ty TNHH Vận Tải Duyên Hải	194.251.581	1.183.909.397

Phải thu khác

Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	66.983.504	127.668.333
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	29.022.223	21.520.000
Công ty TNHH Container Minh Thành	8.239.155.556	80.341.667
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	292.171.000	2.327.085.000
Công ty TNHH Vận Tải Duyên Hải	169.345.000	110.825.000

Phải thu khác dài hạn

Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	2.472.000.000	-
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	1.020.000.000	-

Cộng	60.323.432.872	53.868.582.840
-------------	-----------------------	-----------------------

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI: Thuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.6 Các khoản phải trả	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	71.203.000	32.054.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	949.905.855	713.904.097
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	702.259.983	499.554.071
Phải trả khác ngắn hạn		
Phải trả Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	6.000.000.000
Phải trả Công ty TNHH sản xuất và TM Duyên Hải	3.753.550.138	
Phải trả khác dài hạn		
Phải trả Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	6.000.000.000	-
Cộng	11.476.918.976	7.245.512.168

2.7 Thu nhập HĐQT và BKS	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Thu nhập và thù lao HĐQT, Ban Tổng GD và BKS	807.734.084	833.327.268

3 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận và khu vực địa lý

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp

Công ty có kinh doanh các dịch vụ chính sau:

Kinh doanh dịch vụ: Dịch vụ xuất tàu Shipline, dịch vụ kho CFS, dịch vụ bãi và cho thuê bãi.

Kinh doanh thương mại: Bán hàng hoá, thành phẩm...

Thông tin về kết quả kinh doanh về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Doanh thu theo bộ phận	Chi phí theo bộ phận	KQKD theo bộ phận
Kinh doanh dịch vụ	63.337.801.975	47.816.795.134	15.521.006.841
Kinh doanh thương mại	12.516.771.069	9.230.936.935	3.285.834.134
Cộng	75.854.573.044	57.047.732.069	18.806.840.975
Các chi phí không phân bổ theo BP			(9.782.580.316)

Thông tin về kết quả kinh doanh về bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

Năm nay	Hải Phòng	Phú Thọ	Hà Nội
Doanh thu thuần về bán hàng và C	35.224.384.983	40.446.350.333	183.837.728
Giá vốn thương mại và DV	53.718.301.265	3.238.051.320	91.379.484

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI : Thuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCI	(18.493.916.282)	37.208.299.013	92.458.244
Doanh thu HĐ tài chính	1.492.756.563	5.622.657	124.487
Chi phí tài chính	45.478.702	26.973.168	
Chi phí bán hàng	-	-	-
Chi phí quản lý DN	8.733.362.234	943.494.775	105.723.307
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(25.780.000.655)	36.243.453.727	(13.140.576)
Thu nhập khác	23.501.386.500	11.763.067	-
Chi phí khác	13.168.840.888		-
Lợi nhuận khác	10.332.545.612	11.763.067	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(15.447.455.043)	36.255.216.794	(13.140.576)
Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	3.273.644.892	1.081.676.408	
Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại	(39.985.110)		

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 và Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong kỳ hoạt động tiếp theo.

6. Những thông tin khác

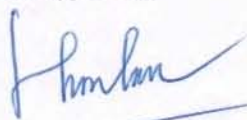
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

7. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	53%	61%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	47%	39%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả/Tổng tài sản	12%	19%
- Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	13%	23%

Hải Phòng, ngày 18 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu



Hoàng Thị Ngọc Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Chủ tịch Hội đồng quản trị

 Lê Thái Cường

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Phụ lục 01

11.a Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Nội dung		Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
1	Thuế GTGT	616.295.501	14.117.398.454	11.972.179.895	2.761.514.060
	Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	46.047.673	707.091.694	753.139.367	-
	Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	235.851.340	3.719.953.367	3.637.188.393	318.616.314
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	1.405.152.078	1.300.395.622	104.756.456
	Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	-	18.383.772	18.383.772	-
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	252.105.959	4.152.634.808	4.201.689.029	203.051.738
	Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	-	3.751.965.727	1.616.876.175	2.135.089.552
	Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	2.712.273		2.712.273	-
	Công ty TNHH Container Minh Thành	79.578.256	362.217.008	441.795.264	-
2	Thuế TNDN	2.290.051.496	4.355.321.299	3.466.674.824	3.178.697.971
	Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	458.943.140	280.248.065	597.278.788	141.912.417
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	449.105.914	519.457.423	711.761.187	256.802.150
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	379.654.122	1.081.676.408	819.345.783	641.984.747
	Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	667.509.374	283.856.050	746.036.789	205.328.635
	Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	334.838.946	2.105.294.344	533.172.800	1.906.960.490
	Công ty TNHH Container Minh Thành	-	84.789.009	59.079.477	25.709.532
3	Thuế TNCN	17.936.142	1.011.815.244	1.015.040.140	14.711.246
	Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	8.352.372	983.627.250	981.183.937	10.795.685
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	749.993	6.460.310	6.397.353	812.950



	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	6.914.135	11.340.372	16.939.607	1.314.900
	Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	1.819.642	8.838.719	9.140.650	1.517.711
	Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội		120.000	-	120.000
	Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	100.000	1.428.593	1.378.593	150.000
4	Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.591.274.578	1.591.274.578	-
	Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải	-	513.427.500	513.427.500	-
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	295.193.000	295.193.000	-
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	-	241.986.078	241.986.078	-
	Công ty TNHH Container Minh Thành	-	540.668.000	540.668.000	-
5	Các loại thuế khác	-	19.500.000	19.500.000	-
	Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải		3.000.000	3.000.000	-
	Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải		3.000.000	3.000.000	-
	Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội		1.500.000	1.500.000	-
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải		3.000.000	3.000.000	-
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	-	2.000.000	2.000.000	-
	Công ty TNHH Sản xuất và TM Duyên Hải		3.000.000	3.000.000	-
	Công ty TNHH Container Minh Thành	-	3.000.000	3.000.000	-
	Cộng	2.924.283.139	21.095.309.575	18.064.669.437	5.954.923.277

11.b Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	Nội dung	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	Thuế TNDN	11.613.275		11.613.275	-
	Công ty TNHH Container Minh Thành - thuế TNDN	7.688.860		7.688.860	
	Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải - thuế TNDN	3.924.415		3.924.415	
	Cộng	11.613.275	-	11.613.275	-